TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 10 - 6 - 2021
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng***: Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc "*Ly hôn*".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 09/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1990; Cư trú tại: Số nhà H đường T, phường L, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T (tên gọi khác là Long), sinh năm 1977; Cư trú tại: Số nhà S đường P, xã Đ, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Chí T – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí T kết hôn với nhau vào ngày 14/12/2010, có đăng ký tại UBND xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu được 06 tháng. Quá trình sống chung từ năm 2010 cho đến năm 2017, vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm sống, anh T không chịu làm ăn mà hằng ngày tụ tập đá gà, xóc đĩa, hút chích, đánh đập chị nhiều lần, chị đã báo chính quyền địa phương lập biên bản và hòa giải. Năm 2016 chị đã nộp đơn lên Tòa án xin ly hôn, nhưng mỗi lần Tòa án triệu tập anh T lại đến nhà chị hăm dọa bằng cách chở xuống đèo dùng dao thái lan đòi rạch mặt, cắt cổ nếu như chị chống đối, không nghe lời, khiến chị sống hoang mang, sợ hãi. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Tình cảm của chị đối với anh T không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/11/2012, hiện tại đang ở với anh T. Khi ly hôn chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Thu H kết hôn với nhau vào ngày 14/12/2010, có đăng ký tại UBND xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sống chung, đến năm 2012 vợ chồng có con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo N, sau một thời gian có con chung thì vợ chồng xảy ra những bất đồng trong cuộc sống, sinh ra cãi nhau, mất đoàn kết, khi con chung được 06 tháng tuổi thì chị H tự động bỏ rơi cha con anh đi đâu, làm gì anh không biết, hai cha con anh phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ khoảng giữa năm 2013 cho đến nay. Anh thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H, với điều kiện chị H phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về nuôi con 1.000.000đ/tháng theo yêu cầu của anh là 07 năm 08 tháng là 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng).

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/11/2012, hiện tại đang ở với anh. Khi ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến tuổi thành niên, anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ ngày 28/5/2013 cho đến ngày 25/01/2021 là 92 tháng là 92.000.000đ và tiếp tục cấp dưỡng 1.000.000đ cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 09/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H về "Ly hôn" đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Chí T.

3. Về con: Giao con chung có họ và tên là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/11/2012 cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

4. Buộc chị Bùi Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), kể từ ngày 28/5/2013 đến ngày 25/02/2021 là 46.449.900đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm đồng). (số tiền này giao cho anh Nguyễn Chí T).

Buộc chị Bùi Thị Thu H tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên, kể từ ngày 26/02/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 08/3/2021 anh Nguyễn Chí T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), kể từ ngày 28/5/2013 cho đến ngày 25/01/2021 là 92 tháng x 1.000.000đ = 92.000.000đ, và tiếp tục cấp dưỡng 1.000.000đ cho đến khi con chung thành niên. Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Chí T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Ly hôn"* là đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/11/2012. Theo bản tự khai đề ngày 13/01/2021, cháu N có nguyện vọng ở với anh T, chị H cũng đồng ý giao cháu N cho anh T trực tiếp

nuôi dưỡng. Vì vậy, cấp sơ thẩm giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và có căn cứ.

Xét yêu cầu anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ khi con chung 6 tháng tuổi (từ ngày 28/5/2013) cho đến ngày 25/01/2021 là 92 tháng x 1.000.000đ = 92.000.000đ và tiếp tục cấp dưỡng 1.000.000đ cho đến khi con chung thành niên. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nội dung trình bày của ông Nguyễn Duy Phúc, bà Trần Thị T là bố mẹ đẻ của anh T và bà Phạm Thị N là bà ngoại của chị H xác định: Anh T và cháu N về sinh sống tại nhà bố mẹ anh T, vào khoảng tháng 6/2013 cho đến nay, trong khoảng thời gian chị H và anh T sống ly thân thì chị H vẫn qua lại thăm con và cung cấp nhu cầu thiết yếu cho cháu N. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của anh T, buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000đ/tháng tính từ ngày 28/5/2013 đến ngày 25/01/2021 là 92 tháng 27 ngày là 46.449.900đ (số tiền này giao cho anh T) và buộc chị H tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, kể từ ngày 26/02/2021 là phù hợp. Về phần cấp dưỡng chị H đồng ý với bản án sơ thẩm nên không kháng cáo, anh T kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Chí T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về con: Giao con chung có họ và tên là Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/11/2012 cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên

3. Buộc chị Bùi Thị Thu H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ (năm trăm ngàn đồng), kể từ ngày 28/5/2013 đến ngày 25/02/2021 là 46.449.900đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm đồng). (số tiền này giao cho anh Nguyễn Chí T).

Buộc chị Bùi Thị Thu H tiếp tục cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con chung thành niên, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/02/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ 300.000đ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0018722 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Chị Bùi Thị Thu H còn phải nộp 300.000đ án phí còn thiếu.

Anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0018754 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Bảo Lộc (02);
- Chi cục THADS Tp. Bảo Lộc;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (02);
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Thanh